

LỊCH THI GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2021 – 2022

THI ĐỢT 1					THI ĐỢT 2				
TUẦN	THỨ, NGÀY, THÁNG	TIẾT	MÔN THI	KHỐI	TUẦN	THỨ, NGÀY, THÁNG	TIẾT	MÔN THI	KHỐI
26 Thi GKII đợt 1	Thứ 2 14/03/2022	2	C. NGHỆ	6,7,8	27 Thi GKII đợt 2	Thứ 4 23/03/2022	2	C. NGHỆ	6,7,8,9
		3	ĐỊA LÝ	7,8,9			4	ĐỊA LÝ	7,8,9
	Thứ 3 15/03/2022	2	SINH HỌC	7,8,9		Thứ 5 24/03/2022	2,3	SINH HỌC	7,8,9
		3	GDCD	6,7,8,9				GDCD	6,7,8,9
	Thứ 4 16/03/2022	1	TIN	6,7		Thứ 6 25/03/2022	2,3	TIN	6,7
		3	LỊCH SỬ	7,8,9				LỊCH SỬ	7,8,9
	Thứ 5 17/03/2022	2	VẬT LÝ	7,8,9		Thứ 7 26/03/2022	2	VẬT LÝ	7,8,9
27 Thi GKII đợt 1		3	KHTN	6	28 Thi GKII đợt 2	Thứ 2 28/03/2022	3	KHTN	6
	Thứ 6 18/03/2022	2	HÓA HỌC	8,9			1	HÓA HỌC	8,9
		3	LSĐL	6			2	LSĐL	6
	Thứ 7 19/03/2022	2,3	TOÁN	7,8,9		Thứ 3 29/03/2022	2,3	TOÁN	7,8,9
		3,4	TOÁN	6			3,4	TOÁN	6
	Thứ 2 21/03/2022	1,2	VĂN	6		Thứ 4 30/03/2022	1,2	VĂN	6
		3,4	VĂN	7,8,9			3,4	VĂN	7,8,9
	Thứ 3 22/03/2022	2	ANH	6		Thứ 5 31/03/2022	2	ANH	6
		3	ANH	7,8,9			3	ANH	7,8,9

Các môn: Nghệ thuật 6, GDTC 6, Âm nhạc 7,8,9; Mỹ thuật 7,8; Thể dục 7,8,9; Công nghệ 9; HĐTNHN6; GDDP6 các đc GVBM

kiểm tra trong các tiết học, hoàn thành trước 26/3/2022.

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ TỰ NHIÊN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ II
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: CÔNG NGHỆ 6

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi ôn tập: Bài 7,8,9,10.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập

Câu 1: Trang phục là gì? Phân loại trang phục, đặc điểm của trang phục ?

Câu 2 : Nêu một số các loại vải thông dụng để may trang phục.

Câu 3 : Nêu cách lựa chọn trang phục phù hợp với vóc dáng người mặc..

Câu 4 : Nêu cách sử dụng , bảo quản trang phục ?

Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng

Câu 5: Kể tên một số loại trang phục thường mặc của em và tìm hiểu một số loại vải để may trang phục đó. Với thời tiết mùa hè, em sẽ chọn quần áo làm từ loại vải nào ?

Câu 6: Nêu các bước giặt quần áo bằng tay ?

Câu 7 : Hãy mô tả cách bố trí, sắp xếp tủ quần áo của gia đình sao cho hợp lí, ngăn nắp, gọn gàng.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA:

A. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Trang phục bao gồm:

- A. Quần, áo.
- B. Giày, dép.
- C. Khăn quàng, mũ .
- D. Quần áo, giày, dép, mũ, khăn quàng ...

Câu 2: Vai trò của trang phục :

- A. Che chở, bảo vệ cơ thể con người
- B. Tạo nên vẻ đẹp cho con người.
- C. Che chở cơ thể con người.
- D. Che chở, bảo vệ cơ thể con người khỏi tác động của thời tiết, môi trường và làm tôn lên vẻ đẹp của con người.

Câu 3 : Phân loại trang phục

- A. Trang phục nam
- B. Trang phục nữ.
- C. 2 loại.



D. Nhiều loại

Câu 4 : Phân loại trang phục theo thời tiết:

A. Trang phục mùa nóng.

B. Trang phục mùa lạnh.

C. Trang phục ở nhà.

D. Trang phục mùa nóng, trang phục mùa lạnh.

Câu 5 : Trang phục trẻ em, là phân loại trang phục dựa vào :

A. Giới tính.

B. Lứa tuổi.

C. Thời tiết.

D. Công dụng.



Câu 6 : Trang phục dùng trong :

A. Trang phục mặc thường ngày.

B. Trang phục thể thao.

C. Trang phục lễ hội.

D. Đồng phục.

Câu 7 : Vải được chia làm :

A. 2 loại

B. 3 loại.

C. 4 loại

D. 5 loại.

Câu 8 : Vải sợi bông là vải :

A. Vải sợi thiên nhiên.

B. Vải sợi hóa học.

C. Vải sợi nhân tạo

D. Vải sợi tổng hợp

Câu 9 : Tính chất của vải sợi nhân tạo gồm :

A. Độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát, ít nhàu.

B. Độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát, dễ nhàu.

C. Độ hút ẩm thấp.

D. Ít nhàu, bền đẹp.

Câu 10 : Ưu điểm của vải sợi pha :

A. Bền đẹp, ít nhàu, mặc thoáng mát.

- B. Độ hút ẩm thấp, mặc không thoáng mát.
- C. Độ hút ẩm cao
- D. Mặc thoáng mát, dễ nhàu

Câu 11 : Quy trình bảo quản trang phục :

- A. Làm sạch, làm khô.
- B. Làm khô, làm phẳng.
- C. Làm khô, làm sạch, làm phẳng.
- D. Làm sạch, làm khô, làm phẳng và cất giữ.

Câu 12 : Có mấy cách làm khô quần áo ?

- A. một cách.
- B. hai cách.
- C. ba cách.
- D. bốn cách.

Câu 13 : Các phong cách thời trang :

- A. Phong cách cổ điển.
- B. Phong cách thể thao.
- C. Phong cách dân gian.
- D. Phong cách cổ điển, thể thao, dân gian, làng mạn.

Câu 14: Thời trang là

- A. những kiểu trang phục được sử dụng phổ biến.
- B. những kiểu trang phục được sử dụng trong khoảng thời gian nhất định.
- C. những kiểu trang phục được sử dụng phổ biến trong xã hội vào một khoảng thời gian nhất định.
- D. những kiểu thời trang dựa vào kiểu dáng, chất liệu vải.

Câu 15: Thời trang thay đổi do ảnh hưởng của các yếu tố như:

- A.văn hóa, xã hội, kinh tế, sự phát triển của khoa học và công nghệ
- B. xã hội.
- C. kinh tế.
- D. sự phát triển của khoa học và công nghệ.

Câu 16: Các cách làm sạch quần áo:

- A. Giặt ướt.
- B. Giặt khô.
- C. Phơi khô.
- D. Giặt ướt, giặt khô.

Câu 17: Cách phối hợp trang phục:

- A. Phối hợp về họa tiết, phối hợp về màu sắc.
- B. Phối hợp về họa tiết.

- C. Phối hợp về màu sắc.
D. Phối hợp với các loại kiểu dáng.

Câu 18: Trang phục màu nào có thể kết hợp với các màu bất kì?

- A. Màu trắng.
B. Màu đen.
C. Màu đỏ.
D. màu trắng và màu đen.

Câu 19: Các đặc điểm trong trang phục:

- A. Chất liệu vải.
B. Kiểu dáng, màu sắc.
C. Chất liệu vải, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết.
D. Chất liệu vải, đường nét, họa tiết.

Câu 20: Trang phục tạo cảm giác béo ra và thấp xuống:

- A. Vải cứng, dày dặn, kiểu thùng, tay bèo.
B. Vải mềm mỏng, mịn.
C. Vừa sát cơ thể.
D. Màu tối, sẫm, kẻ dọc, hoa nhỏ.

B. Bài tập tự luận :

Câu 1 : Trang phục có vai trò như thế nào trong đời sống con người ?

Câu 2: Quần áo có thể làm từ các loại vải nào?

Câu 3: Lựa chọn trang phục có thể dựa trên những tiêu chí nào ?

Câu 4: Thời trang là gì ? hãy lựa chọn phong cách thời trang em yêu thích và giải thích tại sao ?

Long Biên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG

NHÓM TRƯỞNG

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Thẩm Thị Minh Phương

Thẩm Thị Minh Phương
Cao Thị Phương Anh



A. Vocabulary: Related to the topics:

- Community Services
- Movies
- The World Around Us

B. Grammar & Structures

1. Definite and Indefinite articles
2. Prepositions of place
3. Prepositions of time
4. Positive and negative imperatives
5. Past simple and adjectives
6. Modals “should” and “can”

C. Pronunciation: Sounds and Stress.

D. Questions

I. Phonetics

- Choose the words that have the underlined part pronounced differently.

II. Vocabulary and grammar

1. Choose the best answer.
2. Correct the mistakes.
3. Find down the words with closet or opposite meaning.

III. Reading

1. Reading comprehension.
2. True/False.
3. Gap - filling.

IV. Writing

1. Rewrite the sentences without changing the meaning.
2. Complete the sentences using the words given.

PRACTICE

A. PHONETICS

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others.

- | | | | |
|-------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1. A. <u>stay</u> | B. <u>listen</u> | C. <u>study</u> | D. <u>start</u> |
| 2. A. <u>stop</u> | B. <u>castle</u> | C. <u>station</u> | D. <u>stamp</u> |
| 3. A. <u>recycle</u> | B. <u>reusable</u> | C. <u>article</u> | D. <u>usually</u> |
| 4. A. <u>single</u> | B. <u>plastic</u> | C. <u>simple</u> | D. <u>bottle</u> |
| 5. A. <u>around</u> | B. <u>about</u> | C. <u>country</u> | D. <u>found</u> |
| 6. A. <u>plants</u> | B. <u>jars</u> | C. <u>gardens</u> | D. <u>throws</u> |
| 7. A. <u>movies</u> | B. <u>takes</u> | C. <u>watches</u> | D. <u>cakes</u> |
| 8. A. <u>three</u> | B. <u>birthday</u> | C. <u>there</u> | D. <u>theater</u> |
| 9. A. <u>presidents</u> | B. <u>generals</u> | C. <u>soldiers</u> | D. <u>invaders</u> |
| 10. A. <u>attacked</u> | B. <u>happened</u> | C. <u>played</u> | D. <u>opened</u> |



11. A. cleaned

12. A. close

B. missed

B. told

C. pushed

C. movie

D. watched

D. show

II. Choose the word which has a different stress pattern from the others.

1. A. movie

2. A. novel

3. A. funny

4. A. happen

5. A. exciting

6. A. station

7. A. wildlife

B. attack

B. recycle

B. boring

B. attack

B. interesting

B. bottle

B. protect

C. action

C. reuse

C. awful

C. open

C. boring

C. student

C. purpose

D. drama

D. relax

D. become

D. visit

D. funny

D. donate

D. useful

B. VOCABULARY AND GRAMMAR

I. Choose the best option to complete each sentence.

1. What is there _____ our neighborhood?

A. in

B. on

C. at

D. from

2. Turn left _____ the traffic lights and the restaurant is _____ your right

A. in - on

B. at - in

C. at - on

D. on - in

3. _____ the second turning on the right and then go straight.

A. Cross

B. Get

C. Turn

D. Take

4. He is much _____ now, but he's still taking medication.

A. good

B. gooder

C. better

D. more better

5. The air in many cities is heavily _____ with vehicle exhaust fumes.

A. polluted

B. crowded

C. wasted

D. contained

6. I'm just going to the _____ to buy some medicines and bandage.

A. cinema

B. chemist's

C. restaurant

D. grocery

7. My neighborhood is very _____ because everything is near my house.

A. convenient

B. exciting

C. comfortable

D. inconvenient

8. _____ go to the museum this weekend? - Good idea!

A. Let's

B. Why don't

C. Shall we

D. Could you

9. How can I lose weight, Doctor? Don't _____ candy, and get more exercise.

A. eating

B. to eat

C. eat

D. to eating

10. Please _____ me a glass of water. Ok! is that all?

A. bring

B. to bring

C. brings

D. bringing

11. What did you say? I can't hear you. Please _____ the radio off for a minute.

A. turn

B. to turn

C. turning

D. turns

12. It's a nice day. Let's _____ take the bus. Let's walk to the theatre.

A. not to

B. don't

C. not

D. to

13. Jennie isn't back home, and it's after ten o'clock. _____ worry. He's only a few minutes late.

A. Not to

B. Don't

C. Not

D. Do

14. I'm sorry. I didn't hear you. Please _____.

A. say that again

B. you say it again

C. you say it again.

D. say that.

15. The movie is _____. I can't keep my eyes off the screen.

A. boring

B. fantastic

C. awful

D. terrible

16. Pick _____ trash in your school and recycle them.

- A. up B. on C. at D. of
17. The smart phone is _____ the book.
- A. front of B. between C. next D. behind
18. At the concert, you can get food and drink for _____. You don't have to pay money for it.
- A. reuse B. free C. recycle D. charity
19. There's _____ new boy in An's class. _____ boy's mother is our English teacher.
- A. a/ The B. the/ The C. a/ A D. the/ A
20. I like going to the _____ because I can borrow many interesting books there.
- A. bookstore B. library C. post office D. bus station
21. You can _____ old books and computer equipment to charity.
- A. donate B. protect C. reuse D. get
22. There is a _____ near my school. Homeless people often go there for free meals.
- A. organization B. charity C. hospital D. police station
23. We laughed a lot after watching the _____ last night.
- A. drama B. comedy C. horror D. science fiction
24. Our test lasts _____ 8 a.m to 10 a.m tomorrow.
- A. next B. between C. in front D. behind
25. Iron man is an _____ movie that many children like watching.
- A. historical B. animated C. action D. horror
26. I saw a beautiful girl when I _____ at the park yesterday.
- A. was B. were C. wasn't D. weren't
27. The drama was so _____ that we felt asleep.
- A. interesting B. attractive C. funny D. boring
28. I don't want to see this horror film. Please turn _____ the television!
- A. off B. on C. up D. down
29. Napoleon Bonaparte was born _____ 1769 and _____ a general at the age of 24.
- A. on - became B. in-became C. in -become D. on-become
30. _____ Mary and Peter at your house last night?
- A. Was B. Is C. Are D. Were
31. Last week, I _____ two movies and they were both wonderful.
- A. sees B. see C. to see D. saw
32. How _____ do you go to the movie theater? – Twice a month.
- A. often B. many C. far D. long
33. What does the sign mean?



- A. Don't use the recycling bin.
B. Put trash in the recycling bin.
C. Don't pick up trash.

LOW
RUONG
HOC
NG B
★

- D. Pick up your phone.
34. What does the sign mean?



- A. You can step on the grass.
B. Don't step on the grass.
C. Don't smoke here.
D. Reuse old bottles.

II. Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct response to each of the following exchanges.

1. John: "What time is the movie on?" - Luke: "_____"
A. They plant trees. B. It's on at 5 p.m.
C. I don't like the movie. D. See you soon.
2. Taylor: "Excuse me, is there a post office near here?" - Katy: "_____"
A. No, it isn't here. B. The bank is near here.
C. It's on Queens Street. D. It ends at 10 p.m.
3. Phuc: "I have said everything. Are you clear?"
Loc: "Sorry, I can't hear what you've just said. _____?"
A. Can you tell me B. Can you say that again
C. Can you do that D. Can you start
4. Linh: "_____ " - Lisa: "It's a horror movie"
A. What are you doing on Sunday? B. Do you want to watch a movie?
C. What can we do there? D. What kind of movie is it?
5. Lisa: "Where should we go on our trip?" - Jessie: "_____ "
A. We should go to Black Forest. B. He enjoyed the movie so much.
C. I like history and music. D. We went to Ha Long Bay yesterday.

III. Find a mistake in the four underlined parts of each sentence.

1. The bank is on King's street, near to the post office.
A. is B. on C. to D. office
2. There were a horror movie on VTV3 last night.
A. were B. horror C. on D. last
3. I would like to watching a romantic movie with my best friend.
A. would like B. watch C. romantic D. with
4. The movie theater is behind of the hospital.
A. The B. theater C. is D. of
5. Comedies are more funnier than action movies.
A. are B. more funnier C. action D. movies
6. This movies are famous with its amazing soundtracks.
A. are B. with C. its D. amazing
7. Doing volunteer work make me a better person.
A. Doing B. make C. me D. better
8. Would you like an apples and some orange juice?
D. better

- A. like B. apples C. and D. some

IV. Mark the letter A, B, C or D to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word in each of the following questions. (Tìm từ đồng nghĩa)

- Volunteers are people who do good things for free.
A. a lot of money B. much money C. some money D. no money
- Frozen is well-known for its interesting story and amazing soundtracks.
A. terrible B. famous C. exciting D. great
- You can help the charity by taking part in different projects.
A. participating B. going C. enjoying D. making

V. Mark the letter A, B, C or D to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word in each of the following questions. (Tìm từ trái nghĩa)

- The movie I watched last week was so boring. I almost slept in the cinema.
A. awful B. terrible C. exciting D. horrible
- She often picks up trash in her neighborhood to protect the environment.
A. throw away B. collect C. recycle D. reuse
- Quang Trung won many battles and became a king in 1788.
A. lost B. finished C. got D. had

C. READING

I. Read the passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks.

Let's do it! is a (1) _____ charity in Vietnam. They (2) _____ in 2015, and they work in many provinces and cities across the country. They want (3) _____ the environment by picking up trash in different areas.

They held many projects in big cities in the past. This year, they encourage young people to take part (4) _____ their daily activities through their fan page. You should join their projects (5) _____ you have the chance. Let's do it now.

- A. famous B. terrible C. selfish D. lonely
- A. start B. starting C. started D. starts
- A. save B. to save C. saving D. to saving
- A. in B. on C. at D. with
- A. or B. but C. so D. when

II. Read the passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks.

There are (1) _____ types of films: comedy, romance, science fiction, romance, documentary, horror, action, etc. In those kinds, my favorite one is romantic, such (2) _____ Titanic, The Notebook, Notting Hill, etc. They give us a meaningful lesson about life and love. Sometimes they are moving and make me (3) _____ a lot. I am also keen (4) _____ documentaries. They give me such an interesting (5) _____.

- A. few B. a few C. one D. various
- A. as B. example C. for D. on
- A. laugh B. smile C. bore D. cry
- A. in B. on C. with D. about
- A. games B. knowledge C. song D. meal

III. Read the passage and decide whether each of the sentences is True or False.

The World Wide Fund for Nature (WWF) is a very large charity in the world. They first started in 1961 in Switzerland. They work in six areas: food, climate, freshwater, wildlife, forests and oceans. The WWF has offices in more than 100 countries. To help the WWF, people can 'adopt' an animal. People can choose the animals they like, such as tigers, butterflies, bears, birds, etc and make a donation. The WWF will send them photographs, information and an adoption certificate. It's a **great** way to learn more about animals. You can help them by donating money or buying toy animals. The WWF-Vietnam started in 1985. They help to save wild animals, such as Saolas, rhinos, elephants, tortoises and turtles. They also make wildlife documentaries to teach young children to love wild animals and live in peace with nature.

1. How many areas do WWF work in?

- A. four B. five C. six D. seven

2. Which of the following things you can NOT do to help WWF?

- A. buy animals B. buy toys C. donate money D. donate animals

3. The word "great" in the passage is the closest in meaning to _____

- A. awful B. terrible C. boring D. fantastic

4. What is the main idea of the passage?

- A. WWF – an environmental charity. B. WWF – a fantastic place to hang out.
C. What you can do to help WWF. D. Help WWF and you will be better.

IV. Read the passage and decide if the following statements are true (T) or false (F).

In the UK, the cinema is very popular and a lot of young people go there. But, I what types of film do they watch?

Jack, 14

I love going to the cinema because there are always eight films on at our local cinema complex, and it's really modern. The ice cream is fantastic and there's great popcorn and other snacks. I go with my friends every Friday. We all like science fiction films with action and suspense. We are also great fans of special effects, so we love films like Avatar and Transformers.

Katie, 13

I don't like horror films or science fiction films but I love romantic comedies. One of my favorite films is The Proposal. It's about a woman who decides to marry her assistant, but they're not really in love. His family, in Alaska, try to organize a traditional wedding ... it's very funny. In the end, they fall in love, of course. I don't go to the cinema much, because there isn't a cinema near me. I watch films on DVD a few months later

1. There isn't any movie theatre near Jack's house.
2. Katie's favorite film is a love story.
3. They sell good ice cream and popcorn in the local cinema complex.
4. Jack and Katie enjoy the same types of film.
5. Jack and his friends like to see movies with special effects.

36. Katie doesn't go to the cinema a lot because she prefers watching films on DVD.

D. WRITING:

I. Rewrite the sentences.

1. Shall we go to the Japanese Covered Bridge first?

=> Let's

=> Why

=> What

=> How

2. Helen's brother is shorter than her.

=> Helen

3. Travelling abroad for a holiday is much more expensive than travelling in your country.

=> Travelling in your country

4. Country life isn't as interesting as city life.

=> City life is

5. Would you mind telling me the way to the National Museum?

=> Can

6. The bus stop is in front of the hotel.

=> The hotel

7. The weather yesterday was worse than it is today.

=> The weather today is

8. There are three supermarkets in my town.

=> My town

9. He is interested in watching comedies.

=> He enjoys

10. What's your favorite type of movie?

=> What type of movie

11. My favorite type of movie is animated movie.

=> I like

12. The film starts at 7 p.m

=> The film begins

II. Use the given words to make complete sentences.

1. Don't/ throw/ old/ clothes/ give/ friends.

A. Don't throw away old clothes and give them your friends.

B. Don't throw away old clothes and give them to your friends.

C. Don't throw up old clothes and give them to your friends.

D. Don't throw away old clothes and gives them to your friends.

2. What/ movie/ you/ often/ watch/ TV?

A. What kinds of movie do you often watch on TV?

- B. What kinds of movie does you often watch on TV?
 C. What kinds of movie often do you watch on TV?
 D. What kinds of movie do you often watch in TV?

3. There/ shopping mall/ next/ train station.

- A. There is a shopping mall next to the train station.
 B. There are a shopping mall next to the train station.
 C. There is a shopping mall next the train station.
 D. There is a shopping mall next at the train station.

4. We/ watch/ horror/ movie/ theater/ yesterday.

- A. We watch a horror movie in the theater yesterday.
 B. We watched a horror movie in the theater yesterday.
 C. We are watching a horror movie in the theater yesterday.
 D. We watched a horror movie on the theater yesterday.

5. You/ should/ pick/ trash/ neighborhood.

- A. You should pick up trash in your neighborhood.
 B. You should picking up trash in your neighborhood.
 C. You should picked up trash in your neighborhood.
 D. You should pick on trash in your neighborhood.

6. Would/ like/ go/ cinema/ 7 p.m?

- A. Would you like go to the cinema at 7 p.m?
 B. Would you like going to the cinema at 7 p.m?
 C. Would you like to go to the cinema on 7 p.m?
 D. Would you like to go to the cinema at 7 p.m?

7. The movies/ be/ fantastic/ amazing.

- A. The movies are fantastic and amazing.
 B. The movies were fantastic and amazing.
 C. The movies were fantastic or amazing.
 D. The movies was fantastic and amazing.

-- THE END --

NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG

Nguyễn Thu Hằng

Nguyễn Thu Hằng

TỔ TRƯỞNG

Đoàn Thị Lê

Đoàn Thị Lê

Long Biên, ngày 01 tháng 03 năm 2021

KT HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Cao Thị Phương Anh

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN

TỔ XÃ HỘI

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

NĂM HỌC 2021-2022

MÔN LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ 6

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ 6

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi kiến thức cần ôn tập:

- Bài 14. Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc
- Bài 15. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc.
- Bài 16. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X
- Bài 17. Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập:

- Nhà nước Văn Lang được hình thành vào thế kỉ nào?
- Nước Âu Lạc ra đời trong khoảng thời gian nào?
- Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là gì?
- Chính quyền đô hộ của người Hán được thiết lập tới tận cấp huyện từ thời kì nào?
- Năm 40, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa ở đâu?
- Tín ngưỡng truyền thống nào vẫn được người Việt duy trì trong suốt thời Bắc thuộc?

Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng:

- So với thời vua Hùng thì thời An Dương Vương quyền hành và tổ chức nhà nước như thế nào?
- Điểm giống nhau giữa nhà nước Văn Lang và Âu Lạc là gì?
- Chính quyền đô hộ của người Hán được thiết lập tới tận cấp huyện từ thời kì nào?
- Yếu tố kĩ thuật nào của Trung Quốc mới được du nhập vào Việt Nam dưới thời Bắc thuộc?

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA:

1. Bài tập trắc nghiệm:

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Nhà nước Văn Lang được hình thành vào thế kỉ nào?

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| A. Thế kỷ thứ VII TCN | C. Thế kỷ thứ V TCN |
| B. Thế kỷ thứ VI TCN | D. Thế kỷ thứ IV TCN |

Câu 2. Đứng đầu nhà nước Văn Lang là ai?

- A. Vua Hùng
- B. An Dương Vương
- C. Kinh Dương Vương
- D. Thục Phán

Câu 3. Ai là người chỉ huy quân ta đánh Tần?

- A. An Dương Vương
- B. Vua Hùng Vương
- C. Kinh Dương Vương
- D. Thục Phán

Câu 4. Đứng đầu nhà nước Âu Lạc là ai?

- A. Thục Phán
- B. An Dương Vương
- C. Vua Hùng Vương
- D. Kinh Dương Vương

Câu 5. Nước Âu Lạc ra đời trong khoảng thời gian nào?

- A. Năm 208 TCN
- B. Năm 209 TCN
- C. Năm 210 TCN
- D. Năm 211 TCN

Câu 6. Vua Hùng Vương chia đất nước thành mấy bộ?

- A. 10
- B. 13
- C. 14
- D. 15

Câu 7. Đứng đầu các bộ là ai?

- A. Lạc Hầu
- B. Lạc Tướng
- C. Bô Chính
- D. Vua

Câu 8. Cư dân Lạc Việt sống tập trung ở đâu?

- A. Ven đồng bằng ven sông Hồng, sông Mã, sông Cả
- B. Ven đồi núi
- C. Trong thung lũng
- D. Ở trong rừng rậm

Câu 9. Nhân dân ta xây dựng Lăng Vua Hùng là để tưởng nhớ ai?

- A. Âu cơ
- B. Mị Nương
- C. Lạc Long Quân
- D. Các Vua Hùng

Câu 10. Vì sao nhân dân ta lại tưởng nhớ các Vua Hùng?

- A. Đã có công dựng nước
- B. Đã có công sáng lập ra nghề đúc đồng
- C. Đã có công sáng lập ra nghề trồng lúa nước
- D. Đã có công sáng lập ra nghề luyện kim

Câu 11. Vũ khí lợi hại nhất của quân Âu Lạc là

- A. đao, kiếm.
- B. cung tên, gậy.
- C. giáo mác, kiếm.
- D. cung nỏ.

Câu 12. Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc ra đời đã

- A. mở ra thời kỳ dựng nước và giữ nước đầu tiên của dân tộc.
- B. mở đầu thời Bắc thuộc.
- C. đưa nước ta bước sang thời phong kiến.
- D. hình thành nền văn minh Đại Việt.

Câu 13. Sau khi đánh thắng quân Tần, hai vùng đất của người Tây Âu và Lạc Việt hợp thành một nước mới có tên là

- A. Văn Lang
- B. Đại Việt
- C. Âu Lạc
- D. Đại Cồ Việt

Câu 14. Thục Phán tự xưng là An Dương Vương tổ chức lại nhà nước, đóng đô ở đâu?

- A. Bạch Hạc (Việt Trì, Phú Thọ).
- B. Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội).
- C. Phú Xuân (Huế).
- D. Hoa Lư (Ninh Bình).

Câu 15. So với thời vua Hùng thì thời An Dương Vương quyền hành và tổ chức nhà nước như thế nào?

- A. Quyền hành ngang nhau và bộ máy nhà nước như nhau
- B. Quyền hành cao hơn, bộ máy nhà nước như nhau
- C. Quyền hành cao hơn, bộ máy nhà nước chặt chẽ hơn
- D. Quyền hành như nhau, bộ máy nhà nước chặt chẽ hơn

Câu 16. Thời kì An Dương Vương gắn với câu chuyện sự tích nổi tiếng nào trong lịch sử dân tộc?

- A. Bánh chưng – bánh giầy
- B. Mị Châu – Trọng Thủy
- C. Thánh Gióng.
- D. Âu Cơ – Lạc Long Quân

Câu 17. Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là

- A. sản xuất thủ công nghiệp.
- B. trao đổi, buôn bán qua đường biển.
- C. sản xuất nông nghiệp.
- D. trao đổi, buôn bán qua đường bộ.

Câu 18. Về mặt tín ngưỡng, cư dân Văn Lang – Âu Lạc có tục

- A. thờ cúng tổ tiên.
- B. thờ thần – vua.
- C. ướp xác.
- D. thờ phụng Chúa Giê-su.

Câu 19. Nhà nước Âu Lạc ra đời trên cơ sở thắng lợi từ cuộc kháng chiến

- A. chống quân Hán xâm lược của nhân dân huyện Tượng Lâm.
- B. chống quân Tần xâm lược của người Âu Việt và Lạc Việt.
- C. chống quân Nam Hán xâm lược của người Việt.
- D. chống quân Đường xâm lược của người Việt.

Câu 20. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng phong tục, tập quán của người Việt cổ thời Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Xăm mình.
- B. Làm bánh chưng, bánh giầy.
- C. Nhuộm răng đen.
- D. Tục thờ thần – vua.

Câu 21. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng đời sống vật chất của người việt cổ thời Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Cư dân chủ yếu ở nhà sàn, dựng bằng tre, nứa, gỗ...
- B. Thức ăn chính là: lúa mì, lúa mạch, thịt bò, rượu vang.
- C. Để tóc ngang vai, búi tóc hoặc tết tóc kiểu đuôi sam.
- D. Phương tiện đi lại chủ yếu trên sông là: ghe, thuyền.

Câu 22. Nội dung nào sau đây không đúng về nước Văn Lang?

- A. Tổ chức nhà nước còn sơ khai.
- B. Đã có luật pháp thành văn và chữ viết.
- C. Địa bàn chủ yếu ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.
- D. Chưa có quân đội, luật pháp.

Câu 23. Điểm giống nhau giữa nhà nước Văn Lang và Âu Lạc là gì?

- A. Tổ chức bộ máy nhà nước.
- B. Quân đội được tổ chức quy củ.
- C. Có vũ khí tốt (nỏ Liên Châu).
- D. Nhà nước đã có luật pháp thành văn.

Câu 24. Đứng đầu chính quyền đô hộ của nhà Hán ở các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam là

- A. Thứ sử
- B. Thái thú.
- C. Huyện lệnh
- D. Tiết độ sứ.

Câu 25. Chính quyền đô hộ của người Hán được thiết lập tới tận cấp huyện từ thời kì nào?

- A. Nhà Triệu.
- B. Nhà Hán.
- C. Nhà Ngô.
- D. Nhà Đường.

Câu 26. Nghề thủ công mới nào xuất hiện ở Việt Nam thời Bắc thuộc?

- A. Đúc đồng.
- B. Làm gốm.
- C. Làm giấy.
- D. Làm mộc.

Câu 27. Trên lĩnh vực chính trị, sau khi chiếm được Âu Lạc, các triều đại phong kiến phương Bắc đã

- A. sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc.
- B. bắt người Việt cống nạp nhiều sản vật quý.
- C. nắm độc quyền về sắt và muối.
- D. di dân Hán tới, cho ở lẫn với người Việt.

Câu 28. Ngành kinh tế chính của nhân dân ta dưới thời kì Bắc thuộc là

- A. sản xuất muối.
- B. trồng lúa nước.
- C. đúc đồng, rèn sắt.
- D. buôn bán qua đường biển.

Câu 29. Việc chính quyền đô hộ phương Bắc chiếm đoạt ruộng đất của nhân dân Âu Lạc đã để lại hậu quả gì?

- A. Người Việt mất ruộng bị biến thành nông nô của chính quyền đô hộ.
- B. Các nguồn tài nguyên, sản vật của đất nước dần bị vơi cạn.
- C. Người Việt không có sắt để rèn, đúc công cụ lao động và vũ khí chiến đấu.
- D. Nhiều thành tựu văn hóa của Trung Quốc được du nhập vào Việt Nam.

Câu 30. Ai là tác giả của câu nói nổi tiếng sau đây: “Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở Biển Đông, lấy lại giang sơn, dựng nền độc lập, coi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp cho người”?

- A. Triệu Thị Trinh.
- B. Bùi Thị Xuân.
- C. Nguyễn Thị Bình.
- D. Lê Chân.

2. Bài tập tự luận

Câu 1: Trình bày nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

Câu 2: Dưới thời kì Bắc thuộc, nền kinh tế, xã hội nước ta chuyển biến ra sao?

Câu hỏi vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế:

Câu 3: Phân tích đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang? Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10/3 âm lịch hằng năm có ý nghĩa như thế nào?

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

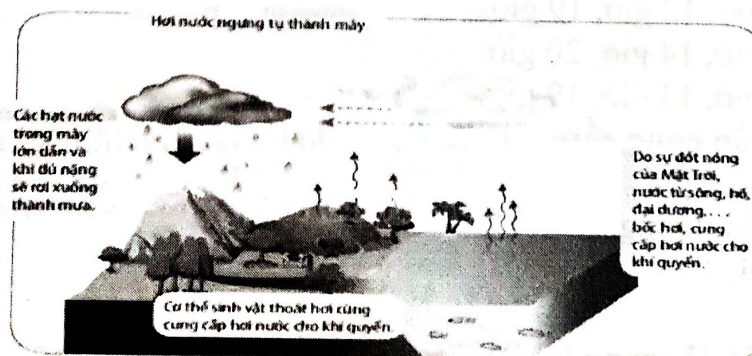
I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi ôn tập: Từ bài 16 đến bài 19

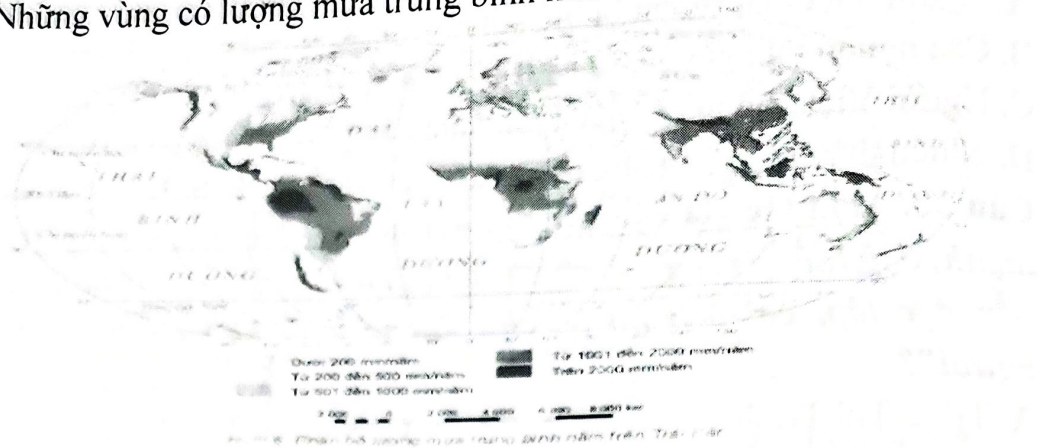
2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập:

- Quan sát hình 5, em hãy mô tả quá trình hình thành mây và mưa.
- Hơi nước trong không khí được cung cấp từ những nguồn nào?
- Khi nào hơi nước ngưng tụ thành mây?
- Khi nào mây tạo thành mưa?



- Hãy xác định trên bản đồ hình 6:
- Những vùng có lượng mưa trung bình năm trên 2 000 mm.
- Những vùng có lượng mưa trung bình năm dưới 200 mm.



Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng:

Nguồn nước ngọt ở Việt Nam đang suy giảm về số lượng và bị ô nhiễm nghiêm trọng. Em hãy tìm hiểu và cho biết, tình trạng đó dẫn đến những hậu quả gì?

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA:

1. Bài tập trắc nghiệm

Em hãy chọn phương án đúng nhất và khoanh vào chữ cái tương ứng trong câu trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Không khí trên mặt đất nóng nhất là vào

- A. 11 giờ trưa.
- B. 14 giờ trưa.
- C. 12 giờ trưa.
- D. 13 giờ trưa.

Câu 2. Dụng cụ nào sau đây được dùng đo độ ẩm không khí?

- A. Ẩm kế.
- B. Áp kế.
- C. Nhiệt kế.
- D. Vũ kế.

Câu 3. Để đo nhiệt độ không khí người ta dùng dụng cụ nào sau đây?

- A. Áp kế.
- B. Nhiệt kế.
- C. Vũ kế.
- D. Ẩm kế.

Câu 4. Nhiệt độ trung bình ngày là kết quả tổng cộng nhiệt độ 4 lần trong ngày vào các thời điểm

- A. 2 giờ, 8 giờ, 15 giờ, 21 giờ.
- B. 3 giờ, 9 giờ, 12 giờ, 19 giờ.
- C. 1 giờ, 6 giờ, 14 giờ, 20 giờ.
- D. 1 giờ, 7 giờ, 13 giờ, 19 giờ.

Câu 5. Nguồn cung cấp hơi nước chính cho khí quyển là

- A. sinh vật.
- B. biển và đại dương.
- C. sông ngòi.
- D. ao, hồ.

Câu 6. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất thường ở vùng

- A. chí tuyến.
- B. ôn đới.
- C. Xích đạo.
- D. cận cực.

Câu 7. Càng lên vĩ độ cao nhiệt độ không khí càng

- A. tăng.
- B. không đổi.
- C. giảm.
- D. biến động.

Câu 8. Khi không khí đã bão hòa mà vẫn được cung cấp thêm hơi nước thì

- A. hình thành độ ẩm tuyệt đối.
- B. tạo thành các đám mây.
- C. sẽ diễn ra hiện tượng mưa.
- D. diễn ra sự ngưng tụ.

Câu 9. Nguồn cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất là

- A. con người đốt nóng.
- B. ánh sáng từ Mặt Trời.
- C. các hoạt động công nghiệp.
- D. sự đốt nóng của Sao Hỏa.

Câu 10. Nguyên nhân chủ yếu vùng Xích đạo có mưa nhiều nhất trên thế giới là do

- A. dòng biển nóng, áp cao chí tuyến.
- B. nhiệt độ thấp, độ ẩm và đại dương.
- C. nhiệt độ cao, áp thấp xích đạo.
- D. áp thấp ôn đới, độ ẩm và dòng biển.

Câu 11. Nhận định nào sau đây đúng về sự phân bố lượng mưa không đều trên Trái Đất theo vĩ độ?

- A. Mưa nhiều ở cực và cận cực; mưa nhỏ ở vùng nhiệt đới và xích đạo.
- B. Mưa nhất nhiều ở ôn đới; mưa ít ở vùng cận xích đạo, cực và cận cực.
- C. Mưa rất lớn ở vùng nhiệt đới; không có mưa ở vùng cực và cận cực.
- D. Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo, mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến.

Câu 12. Giả sử có một ngày ở thành phố Y, người ta đo được nhiệt độ lúc 1 giờ được 17°C , lúc 5 giờ được 26°C , lúc 13 giờ được 37°C và lúc 19 giờ được 32°C . Vậy nhiệt độ trung bình của ngày hôm đó là bao nhiêu?

- A. 26°C .
- B. 29°C .
- C. 27°C .
- D. 28°C .

Câu 13. Trên bề mặt Trái Đất có bao nhiêu đới ôn hòa?

- A. 4.
- B. 5.
- C. 2.
- D. 3.

Câu 14. Khí hậu là hiện tượng khí tượng

ĐƠN
ĐƠN
ĐƠN

- A. xảy ra trong một thời gian ngắn ở một nơi.
- B. lặp đi lặp lại tình hình của thời tiết ở nơi đó.
- C. xảy ra trong một ngày ở một địa phương.
- D. xảy ra khắp mọi nơi và thay đổi theo mùa.

Câu 15. Trên Trái Đất có bao nhiêu đới khí hậu?

- A. 5.
- B. 6.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 16. Biên độ nhiệt năm cao nhất thường ở vĩ độ

- A. Ôn đới.
- B. Xích đạo.
- C. Hàn đới.
- D. Nhiệt đới.

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây không đúng với khí hậu đới nóng?

- A. Góc chiếu của ánh sáng Mặt Trời rất nhỏ.
- B. Lượng mưa trung bình từ 1000 - 2000 mm.
- C. Gió Tín phong thổi thường xuyên quanh năm.
- D. Nắng nóng quanh năm và nền nhiệt độ cao.

Câu 18. Thời tiết là hiện tượng khí tượng xảy ra

- A. trong một thời gian ngắn nhất định ở một nơi.
- B. lặp đi lặp lại các hiện tượng, khí tượng tự nhiên.
- C. trong một thời gian dài ở một nơi nhất định.
- D. khắp mọi nơi và không thay đổi theo thời gian.

Câu 19. Các mùa trong năm thể hiện rất rõ là đặc điểm của đới khí hậu nào?

- A. Nhiệt đới.
- B. Cận nhiệt đới.
- C. Ôn đới.
- D. Hàn đới.

Câu 20. Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên trong khu vực đới nóng?

- A. Tây ôn đới.
- B. Gió mùa.
- C. Tín phong.
- D. Đông cực.

Câu 21. Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào trên Trái Đất?

- A. Cận nhiệt.
- B. Nhiệt đới.
- C. Cận nhiệt đới.
- D. Hàn đới.

Câu 22. Biến đổi khí hậu là những thay đổi của

- A. sinh vật.
- B. sông ngòi.
- C. khí hậu.

D. địa hình.

Câu 23. Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào sau đây?

- A. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.
- B. Hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.
- C. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.
- D. Hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

Câu 24. Biểu hiện chủ yếu của biến đổi khí hậu là

- A. nhiệt độ Trái Đất tăng.
- B. số lượng sinh vật tăng.
- C. mực nước ở sông tăng.
- D. dân số ngày càng tăng.

Câu 25. Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên ở khu vực đới lạnh?

- A. Tín phong.
- B. Đông cực.
- C. Tây ôn đới.
- D. Gió mùa.

Câu 26. Biến đổi khí hậu là do tác động của

- A. các thiên thạch rơi xuống.
- B. các vụ nổ hạt nhân, thử vũ khí.
- C. các thiên tai trong tự nhiên.
- D. các hoạt động của con người.

Câu 27. Lượng mưa trung bình năm trên 2000mm là đặc điểm của đới khí hậu nào sau đây?

- A. Cận nhiệt.
- B. Hàn đới.
- C. Nhiệt đới.
- D. Ôn đới.

Câu 28. Trên Trái Đất nước mặn chiếm khoảng

- A. 30,1%. B. 2,5%. C. 97,5%. D. 68,7%.

Câu 29. Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất không tồn tại ở trạng thái nào sau đây?

- A. Rắn.
- B. Quánh dẻo.
- C. Hơi.
- D. Lỏng.

Câu 30. Trên Trái Đất diện tích đại dương chiếm

- A. 1/2.
- B. 3/4.
- C. 2/3.

10.4 - T.P.H.2

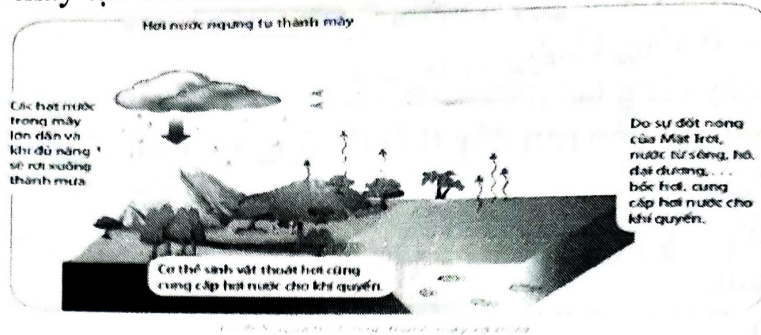
D. 4/5.

2. Bài tập tự luận

Câu 1. Quan sát hình 5, em hãy mô tả quá trình hình thành mây và mưa.

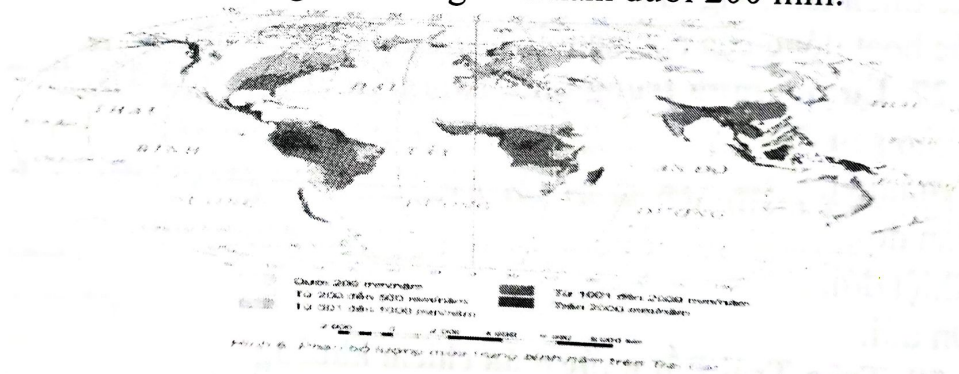
Gợi ý:

- Hơi nước trong không khí được cung cấp từ những nguồn nào?
- Khi nào hơi nước ngưng tụ thành mây?
- Khi nào mây tạo thành mưa?



Câu 2. Hãy xác định trên bản đồ hình 6:

- Những vùng có lượng mưa trung bình năm trên 2 000 mm.
- Những vùng có lượng mưa trung bình năm dưới 200 mm.



Câu hỏi vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế:

Câu 3: Nguồn nước ngọt ở Việt Nam đang suy giảm về số lượng và bị ô nhiễm nghiêm trọng. Em hãy tìm hiểu và cho biết, tình trạng đó dẫn đến những hậu quả gì?

Long Biên, Ngày 01 tháng 03 năm 2022

Người lập đề cương

NHÓM TRƯỞNG

Trần Kiều Trang

Phạm Thị Hương

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
LONG BIÊN
Cao Thị Phương Anh

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ XÃ HỘI

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Phạm vi ôn tập

1. Bài 6: Tự nhận thức bản thân.
2. Bài 7: Ứng phó với các tình huống nguy hiểm

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu hỏi định hướng nội dung lý thuyết cần ôn tập:

- Với mỗi đơn vị bài học, học sinh nắm được khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện.

Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng:

- Học sinh biết vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống thực tế, nhận diện được các biểu hiện, hành vi đúng, chưa đúng. Từ đó, biết liên hệ thực tế bản thân.

II. MỘT SỐ BÀI TẬP MINH HOA

1. Bài tập trắc nghiệm: Trả lời những câu hỏi sau bằng cách ghi lại ra giấy chữ cái in hoa đứng đầu đáp án đúng:

Câu 1. Tình huống nguy hiểm từ con người là:

- A. Hủ tục lạc hậu của thể hệ, dòng họ tạo ra.
- B. Tập quán của một cộng đồng.
- C. Hành vi bắt nạt, bắt cóc.
- D. Những bài khấn của gia đình, dòng họ.

Câu 2. Tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên là:

- A. Đồng tình ý kiến và làm theo số đông.
- B. Bị người khác bắt nạt.
- C. Lũ lụt, sạt lở, hạn hán.
- D. Phê phán những người không cùng quan điểm với mình.

Câu 3. Để ứng phó khi bị bắt cóc cần:

- A. Gào khóc thật to để mọi người nghe thấy.
- B. Bỏ chạy.
- C. Lặng yên không làm gì, chờ người khác đến cứu.



D. Vừa bình tĩnh, lựa chọn thời cơ gào lên kêu cứu và quan sát xung quanh để tìm phương hướng thuận lợi chạy thoát.

Câu 4. Biết nhìn nhận, đánh giá về khả năng, thái độ, hành vi, việc làm, điểm mạnh, điểm yếu... của bản thân được gọi là:

A. thông minh.

C. có kỹ năng sống.

B. tự nhận thức bản thân.

D. tự trọng.

Câu 5. Tự nhận thức về bản thân sẽ giúp chúng ta:

A. sống tự do và không cần phải quan tâm tới bất kì ai.

B. bình tĩnh, tự tin hơn và lôi cuốn được sự quan tâm của người khác.

C. để mình sống không dựa dẫm nhờ cậy những người xung quanh.

D. biết rõ những mong muốn, những khả năng, khó khăn của bản thân.

Câu 6. Khi phát hiện đám cháy, em sẽ gọi đến số điện thoại khẩn cấp nào?

A. 115.

B. 114.

C. 113.

D. 112.

Câu 7. Hành vi nào dưới đây không thể hiện việc tự nhận thức bản thân?

A. L thường tỏ ra khó chịu và không quan tâm đến những điều các bạn góp ý.

B. K thường tìm ra lỗi trong bài kiểm tra của mình để nhờ các bạn giải thích.

C. V rất thích vẽ và nhờ mẹ đăng ký cho mình lớp học vẽ trên trường.

D. T lấy giấy liệt kê điểm mạnh, điểm yếu để đặt ra mục tiêu trong rèn luyện.

Câu 8. Tự nhận thức đúng về bản thân không phải là điều dễ dàng mà cần:

A. qua rèn luyện.

C. có sự lựa chọn đúng đắn.

B. qua nhiều biến cố.

D. có quyết định đúng đắn.

Câu 9. Tự nhận thức bản thân để hiểu đúng về mình, đưa ra những quyết định đúng đắn là một:

A. điều hiển nhiên của con người.

C. kỹ năng sống cơ bản.

B. giá trị sống cơ bản.

D. năng lực của cá nhân.

Câu 10. Khi gặp tình huống nguy hiểm, chúng ta cần:

A. bình tĩnh.

C. lo lắng.

B. hoang mang.

D. hốt hoảng.

2. Bài tập tự luận

Câu 1: Tự nhận thức bản thân là gì? Ý nghĩa của tự nhận thức bản thân?

Câu 2: Thế nào là tình huống nguy hiểm? Nêu những tình huống nguy hiểm và cách giải quyết tình huống đó?

Câu 3: Nghỉ học, N được bố mẹ cho đi du lịch biển cùng cơ quan của bố. Khi đang bơi cùng mọi người, N bất ngờ bị dòng xoáy cuốn ra xa bờ. Quá bất ngờ và sợ hãi nên N cố gắng thoát khỏi dòng nước bằng cách bơi ngược dòng. Thật may vì có

một bác đang bơi gần đó thấy N gặp nguy hiểm nên gọi cứu hộ trên biển và N được lực lượng cứu hộ đưa lên thuyền.

a, Theo em, em có nhận xét gì về cách ứng phó của bạn N?

b, Nếu em là N, trong tình huống trên em sẽ làm như thế nào?

Câu hỏi vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tế:

Câu 1: Nếu một người bạn thân rủ em đi tắm sông mà em không đi vì em nhận thấy sự nguy hiểm, em sẽ làm gì để giúp bạn thay đổi ý định đó?

Câu 2: Để nhận thức được bản thân, em sẽ phải có kế hoạch rèn luyện như thế nào?

Long Biên, ngày 1 tháng 3 năm 2022

Người lập đề cương

Phạm Thị Thanh Thủy

NHÓM TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích Thuận

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Cao Thị Phương Anh



NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2021 - 2022
MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 6

I. NỘI DUNG KẾT THÚC CẦN ÔN TẬP

1. Phạm vi ôn tập

a. Văn bản

- Truyện truyền thuyết và một số yếu tố của truyện truyền thuyết
- Truyện cổ tích và một số yếu tố của truyện cổ tích.

b. Tiếng Việt:

- Từ ghép, từ láy.
- Cụm tính từ, cụm động từ, cụm danh từ.
- Biện pháp tu từ so sánh.
- Nghĩa của từ.
- Dấu chấm phẩy.

c. Viết

- Thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá).
- Đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu hỏi định hướng nội dung lí thuyết cần ôn tập

- Câu hỏi về thể loại truyện thuyết, cổ tích; Một số yếu tố trong truyện truyền thuyết, cổ tích trong văn bản cụ thể.
- Nhận diện từ ghép, từ láy, cụm tính từ, cụm động từ, cụm danh từ.
- Nhận diện biện pháp nghệ thuật so sánh và tác dụng của biện pháp tu từ trong câu thơ, câu văn cụ thể.
- Nhận diện dấu chấm phẩy và tác dụng của dấu chấm phẩy trong câu thơ, câu văn cụ thể.
- Giải nghĩa được từ trong văn bản cụ thể.
- Viết bài văn thuyết minh thuật lại sự kiện, bài văn đóng vai kể lại một truyện cổ tích.

Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng:

Học sinh biết vận dụng kiến thức từ đời sống xã hội để giải quyết vấn đề thực tiễn, qua đó rút ra bài học nhận thức và hành động.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP THAM KHẢO

DẠNG 1: BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái trước đáp án mà em cho là đúng nhất trong các câu hỏi dưới đây:

Câu 1: Truyện thuyết là gì?

- A. Thể loại truyện kể dân gian, thường kể về sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc có liên quan đến các sự kiện lịch sử.
- B. Thể loại truyện kể dân gian kể những câu chuyện không có thật.
- C. Thể loại truyện kể dân gian kể những câu chuyện liên quan đến lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.
- D. Thể loại truyện kể dân gian kể những câu chuyện về các nhân vật anh hùng của dân tộc.



Câu 2: Đâu không phải là đặc điểm của nhân vật trong truyền thuyết?

- A. Thường có đặc điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh,...
- B. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công với cộng đồng.
- C. Thường được cộng đồng tôn thờ, suy tôn.
- D. Thường là ông Tiên, ông Bụt có nhiều phép lạ.

Câu 3: Yếu tố kì ảo trong truyền thuyết thường được sử dụng để thể hiện điều gì?

- A. Ca ngợi trí tưởng tượng của nhân dân.
- B. Thể hiện sức mạnh của nhân vật truyền thuyết, phép thuật của thần linh.
- C. Thể hiện phép thuật của thần linh.
- D. Thể hiện sức mạnh của nhân dân lao động.

Câu 4: Truyện cổ tích là gì?

- A. Là thể loại truyện kể dân gian, kết quả của trí tưởng tượng dân gian, xoay quanh cuộc đời, số phận của các kiểu nhân vật.
- B. Là thể loại truyện kể dân gian, xoay quanh cuộc đời, số phận của nhân vật chính.
- C. Là thể loại truyện kể dân gian, kể về số phận của các nhân vật mồ côi, nghèo khổ.
- D. Là thể loại truyện dân gian, kể về cuộc đời, số phận của các nhân vật có tài năng khả người, hay giúp đỡ người lương thiện.

Câu 5: Chi tiết nào không đúng khi nói đặc điểm của truyện cổ tích?

- A. Có yếu tố hoang đường, kì ảo.
- B. Thường mở đầu bằng cụm từ "Ngày xưa ngày xưa" và kết thúc có hậu.
- C. Nhân vật thường chia hai tuyến: chính diện và phản diện.
- D. Truyện có yếu tố lịch sử.

Câu 6: Truyện *Thánh Gióng* phản ánh sự thực lịch sử nào trong quá khứ của dân tộc ta?

- A. Lịch sử chống giặc ngoại xâm từ thời xa xưa.
- B. Lịch sử làm bánh chưng, bánh giầy trong ngày Tết cổ truyền của dân tộc.
- C. Lịch sử chống lại thiên tai, bão lụt.
- D. Lịch sử về nguồn gốc của dân tộc Việt Nam.

Câu 7: Thành ngữ *chết như rạ* có nghĩa là:

- A. Chết rất nhiều.
- B. Chết do bị bắn.
- C. Chết không còn sót một ai.
- D. Chết do bị chém.

Câu 8: Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* ra đời vào thời đại lịch sử nào?

- A. Thời Văn Lang-Âu Lạc.
- B. Thời nhà Lý.
- C. Thời nhà Trần.
- D. Thời nhà Nguyễn.

Câu 9: Chi tiết tiếng đàn và niêu cơm đãi quân sĩ mười tám nước chư hầu đã thể hiện điều gì ở nhân dân?

- A. Tấm lòng nhân đạo, yêu chuộng hòa bình và hóa giải hận thù bằng lẽ phải, chính nghĩa.
- B. Thể hiện lòng tự hào dân tộc.
- C. Thể hiện lòng nhân ái, nhân đạo của dân tộc.
- D. Tư tưởng cầu hòa, mong muốn chấm dứt chiến tranh bằng sự thua nhường quân giặc.

Câu 10: Dấu chấm phẩy có công dụng gì?

- A. Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp.
- B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng
- C. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.
- D. Bộc lộ cảm xúc trong câu cảm thán.

2. Bài tập đọc – hiểu và tạo lập văn bản

Bài tập 1: Cho đoạn trích sau:

Một đêm, chàng nằm mộng thấy thần bảo:

- Trong trời đất, không gì quý bằng hạt gạo. Chỉ có gạo mới nuôi sống con người và ăn không bao giờ chán. Các thứ khác tuy ngon, nhưng hiếm, mà người không làm ra được. Còn lúa gạo thì mình trồng lấy, trồng được nhiều. Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương.

Tỉnh dậy, Lang Liêu mừng thầm. Càng ngẫm nghĩ, chàng càng thấy lời thần nói đúng. Chàng bèn chọn thứ gạo nếp thơm lừng, trắng tinh, hạt nào hạt nấy tròn mẩy, đem vo thật sạch, lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân, dùng lá dong trong vườn gói thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thật nhừ. Để đổi vị, đổi kiểu, cũng thứ gạo nếp ấy, chàng đồ lên, giã nhuyễn, nặn hình tròn.

Đến ngày lễ Tiên Vương, các lang mang sơn hào hải vị, nem công chả phượng tới, chẳng thiếu thứ gì. Vua cha xem qua một lượt rồi dừng lại trước chõng bánh của Lang Liêu, rất vừa ý, bèn gọi lên hỏi. Lang Liêu đem giấc mộng gặp thần ra kể lại. Vua cha ngẫm nghĩ rất lâu rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế Trời, Đất cùng Tiên Vương.

(Trích “Sự tích Bánh chưng, bánh giầy”)

Câu 1: Văn bản chứa đoạn trích trên thuộc thể loại gì? Nêu đặc trưng của thể loại này.

Câu 2: Lang Liêu đã dâng lên Tiên Vương lễ vật gì? Qua lễ vật của Lang Liêu, em có nhận xét gì về chàng?

Câu 3: Hãy chỉ ra chi tiết kì ảo xuất hiện trong đoạn trích trên. Chi tiết kì ảo đó có ý nghĩa gì?

Câu 4: Hãy giải thích ý nghĩa của thành ngữ “Sơn hào hải vị” và “Nem công chả phượng”.

Câu 5: Có ý kiến cho rằng: “Lễ vật mà Lang Liêu làm ra là do công của thần giúp sức”. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Câu 6: Hai lễ vật *Bánh chưng, bánh giầy* gọi lên phong tục gói bánh chưng, bánh giầy của nhân dân Việt Nam vào ngày Tết cổ truyền. Là học sinh, em có thể làm gì để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp đó?

Bài tập 2: Cho đoạn trích sau:

Ngày xưa, có hai vợ chồng nghèo đi ở cho một nhà phú ông. Họ hiền lành, chịu khó nhưng đã ngoài năm mươi mà vẫn chưa có con.

Một hôm, trời nắng to, người vợ vào rừng hái củi cho chủ, khát nước quá mà không tìm thấy suối. Thấy cái sọ dừa bên gốc cây to đựng đầy nước mưa, bà bưng lên uống. Thế rồi, bà có mang.

Chẳng bao lâu, người chồng mất. Bà sinh ra một đứa bé không chân không tay, tròn như một quả dừa. Bà buồn lắm, toan vứt đi thì đứa con bảo:

- Mẹ ơi, con là người đấy. mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp.

Ngẫm lại, thấy thương con, bà đành để con lại nuôi và đặt tên cho nó là Sọ Dừa.

Lớn lên, Sọ dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lẩn lôn lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì. Một hôm, bà mẹ than phiền:

- Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ở chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự gì.



Sợ Dừa nói:
- Gì chứ chăn bò thì con chăn cũng được. Mẹ cứ nói với phú ông cho con đến ở chăn bò.

Nghe con giục, bà mẹ đến hỏi phú ông. Phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao? Nhưng mà nuôi nó thì được cái ít tốn cơm, công sá chẳng là bao, hơn nuôi đừa khác nhiều. Thôi cứ thử xem!

Thế là Sợ Dừa đến ở nhà phú ông. Cậu chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, Sợ Dừa lặn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lặn sau đàn bò về chuồng. Ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào nẩy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.

Một hôm, cô út vừa mang cơm đến dưới chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô lạy lăm lăm, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây rình xem, thì thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Có tiếng động, chàng trai liền biến mất, chỉ thấy Sợ Dừa nằm lẩn lóc ở đấy. Nhiều lần như thế, cô gái biết Sợ Dừa không phải người phàm trần. Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem đến cho chàng.

(Trích "Sợ Dừa")

Câu 1: Văn bản chứa đoạn trích trên thuộc thể loại gì? Thể loại đó có những yếu tố gì nổi bật?

Câu 2: Sự ra đời của Sợ Dừa có gì kì lạ?

Câu 3: Hãy chỉ ra chi tiết kì ảo xuất hiện trong đoạn trích trên. Theo em, các yếu tố kì ảo này có vai trò gì?

Câu 4: Hãy giải thích ý nghĩa của thành ngữ "Khôi ngô tuấn tú" và "Của ngon vật lạ".

Câu 5: Mang lột trong hình hài xấu xí nhưng Sợ Dừa lại là người có rất nhiều khả năng, vậy đó là những khả năng nào? Theo em, phẩm chất tương ứng với những khả năng đó là gì?

Câu 6: Từ đoạn trích trên, thông qua nhân vật Sợ Dừa, em học được gì về cách nhìn nhận, đánh giá con người?

Bài tập 3: Cho đoạn trích sau:

Ngày xưa ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngự Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh – những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần, thần mới hiện lên.

Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống trên cạn ở cung điện Long Trang.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang. Đến kì sinh, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng; trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần.

(Trích "Con Rồng, cháu Tiên")

Câu 1: Truyện “Con Rồng, cháu Tiên” thuộc thể loại nào? Hãy nêu những yếu tố của thể loại đó.

Câu 2: Tìm những chi tiết trong truyện thể hiện tính chất kì lạ, cao quý về nguồn gốc và hình dạng của Lạc Long Quân và Âu Cơ.

Câu 3: Việc kết duyên của Lạc Long Quân cùng Âu Cơ có gì kì lạ?

Câu 4: Trong đoạn trích trên, chi tiết nào thể hiện sự sinh nở đầy kì lạ của nàng Âu Cơ? Từ đó, em hãy giải thích vì sao người dân Việt Nam thường gọi nhau là “đồng bào”?

Câu 5: Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn in đậm.

Câu 6: Chi tiết sự ra đời kì lạ của những người con trong đoạn trích trên gợi cho em nhớ tới một truyền thuyết nào đã học trong sách Ngữ Văn lớp 6? Hãy cho biết nhân vật chính của truyền thuyết đó là ai?

Bài tập 4: Bài tập vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn:

Đề 1: Viết một bài văn thuật lại một lễ hội mà em từng tham gia hoặc chứng kiến.

Đề 2: Đóng vai nhân vật người em trong truyện “Cây khế” để kể lại câu chuyện.

Đề 3: Viết một bài văn thuật lại một cuộc thi diễn ra ở trường đã để lại cho em nhiều ấn tượng.

Đề 4: Đóng vai một nhân vật trong truyện cổ tích mà em yêu thích và kể lại câu chuyện đó.

NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG



Dương Mỹ Linh

NHÓM TRƯỞNG



Trần Thị Giang

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Cao Thị Phương Anh



TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ TỰ NHIÊN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2021-2022

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi ôn tập

Chương VII: Hệ thống phân loại sinh vật

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập:

- Phân biệt được các loại nấm, thực vật có mạch, thực vật không có mạch, động vật có xương sống, động vật không có xương sống.

- Phân chia được các mẫu thực vật, động vật, nấm vào các nhóm theo các tiêu chí đã học.

Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng:

- Vận dụng giải thích một số hiện tượng, nhận biết nấm, động vật trong thực tế.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

1. Bài tập trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1: Nấm là

- A. những sinh vật nhân sơ, đơn bào hoặc đa bào, sống dị dưỡng.
- B. những sinh vật nhân sơ, đơn bào hoặc đa bào, sống tự dưỡng.
- C. những sinh vật nhân thực, đơn bào hoặc đa bào, sống dị dưỡng.
- D. những sinh vật nhân thực, đơn bào hoặc đa bào, sống tự dưỡng.

Câu 2: Nấm sinh trưởng và phát triển chủ yếu ở môi trường

- A. nhiều ánh sáng mặt trời.
- B. khắc nghiệt.
- C. nóng ẩm và nhiều dinh dưỡng.
- D. khô, lạnh.

Câu 3: Dựa vào cấu trúc của cơ quan bào tử, nấm được chia thành

- A. nấm tự dưỡng và nấm dị dưỡng.
- B. nấm đơn bào và nấm đa bào.
- C. nấm ăn được và nấm độc.
- D. nấm đảm, nấm túi, nấm tiếp hợp.

Câu 4: Tác dụng nào dưới đây *không* phải của nấm?

- A. Dùng làm nội thất nhà cửa.
- B. Dùng làm thực phẩm.
- C. Dùng làm dược liệu.
- D. Dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm.

Câu 5: Bệnh nào dưới đây do nấm gây ra ở người?

- A. Cảm cúm.
- B. Bệnh tiêu chảy.
- C. Bệnh sốt rét.
- D. Bệnh hắc bào.

Câu 6: Loại nấm nào có thể dùng làm thuốc?

- A. Nấm kim châm.
- B. Nấm hương.
- C. Đông trùng hạ thảo.
- D. Nấm đùi gà.

Câu 7: Có thể quan sát cấu tạo loại nấm nào dưới đây bằng mắt thường?

- A. Nấm rơm.
- B. Nấm mốc cam.
- C. Nấm men rượu.
- D. Nấm men bánh mì.

Câu 8: Loại nấm nào sau đây *không* dùng để ăn?

- A. Nấm sò.
- B. Nấm tai mèo.
- C. Nấm men.
- D. Nấm rơm.

Câu 9: Thực vật được chia thành các ngành đa dạng thế nào?

- A. 3 ngành: Dương xỉ, Hạt trần và Hạt kín.
- B. 2 ngành: Hạt trần và Hạt kín.
- C. 4 ngành: Rêu, Dương xỉ, Hạt trần và Hạt kín.
- D. 2 ngành: nhân sơ và nhân thực.

Câu 10: Ngành thực vật nào có số lượng loài lớn nhất?



- A. Hạt kín. B. Hạt trần. C. Rêu. D. Dương xỉ.
- Câu 11:** Thực vật có đặc điểm: có mạch dẫn, có thân, lá và rễ thật, không có hạt, không có hoa- những loài thực vật này thuộc ngành nào?
A. Hạt kín. B. Rêu. C. Dương xỉ. D. Hạt trần.
- Câu 12:** Thực vật thuộc ngành nào dưới đây có hoa?
A. Dương xỉ. B. Hạt kín. C. Rêu. D. Hạt trần.
- Câu 13:** Thực vật thuộc ngành nào không có mạch dẫn?
A. Rêu. B. Hạt trần. C. Dương xỉ. D. Hạt kín.
- Câu 14:** Loài thực vật nào sau đây gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người?
A. Cây cà chua. B. Cây đay. C. Cây bông. D. Cây thuốc lá.
- Câu 15:** Loài thực vật nào sau đây không phải cây lương thực?
A. Củ đậu. B. Lúa nước. C. Khoai tây. D. Lúa mì.
- Câu 16:** Loài thực vật nào sau đây được sử dụng làm thuốc?
A. Cây ôi. B. Cây nhần. C. Tam thất. D. Khoai lang.
- Câu 17:** Thực vật thuộc ngành nào có cơ quan sinh sản tiến hóa nhất?
A. Dương xỉ. B. Rêu. C. Hạt kín. D. Hạt trần.
- Câu 18:** Đa dạng động vật **không** thể hiện trên tiêu chí nào sau đây?
A. Số lượng loài. B. Môi trường sống. C. Số tế bào trong mỗi cá thể. D. Số lượng cá thể mỗi loài.
- Câu 19:** Hầu hết động vật là những sinh vật
A. dị dưỡng. B. đơn bào. C. không thể di chuyển. D. tự dưỡng.
- Câu 20:** Các tế bào động vật không có thành phần nào sau đây?
A. Ti thể. B. Không bào. C. Thành tế bào. D. Tế bào chất.
- Câu 21:** Sinh vật nào sau đây có thể sống trong cơ thể sinh vật khác?
A. Sán dây. B. Trai. C. Cà cuống. D. Bọ cánh cứng.
- Câu 22:** San hô là động vật thuộc ngành
A. Giun dẹp. B. Thân mềm. C. Ruột khoang. D. Giun tròn.
- Câu 23:** Động vật có xương sống gồm
A. Chim và Thú. B. Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú. C. động vật đơn bào và động vật đa bào. D. các lớp cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim và Thú.
- Câu 24:** Lớp cá được chia thành 2 lớp chính là
A. cá nhà táng và các loài cá khác. B. cá sụn và cá xương. C. cá nước ngọt và cá nước mặn. D. cá đơn bào và cá đa bào.
- Câu 25:** Động vật nào sau đây **không** thuộc lớp Bò sát?
A.Ếch giun. B. Cá sấu. C. Rắn. D. Rùa.
- Câu 26:** Động vật có bộ lông vũ bao phủ cơ thể thuộc lớp
A. Chim. B. Bò sát. C. Lưỡng cư. D. Thú.
- Câu 27:** Động vật nào sau đây có môi trường sống cả ở nước và ở cạn?
A. Cá cóc. B. Gà. C. Cá chim. D. Vịt.
- Câu 28:** Động vật thuộc lớp nào có cấu tạo cơ thể tiến hóa nhất?
A. Lưỡng cư. B. Bò sát. C. Chim. D. Thú.
- Câu 29:** Loài động vật nào sau đây có khả năng thụ phấn cho cây?
A.Ếch. B. Ong. C. Chuột. D. Sóc.
- Câu 30:** Trong tự nhiên, có thể bắt gặp động vật nào sống trên cây?
A. Chim. B. Thỏ. C. Gà. D. Chuột túi.

2. Bài tập tự luận: Bài tập vận dụng kiến thức vào thực tế

Câu 31: Trong cuộc sống có thể bắt gặp rất nhiều các loại thực phẩm bị mốc như: bánh chưng, cam, bánh mì,... Mỗi loại thực phẩm khi bị mốc lại có màu sắc khác nhau. Dựa vào kiến thức của mình, em hãy giải thích vì sao các loại thực phẩm đó lại bị mốc và màu sắc đám mốc ở mỗi loại thực phẩm lại khác nhau.

Câu 32: Hãy nêu vai trò của thực vật. Ở mỗi vai trò đó kể tên 3 -5 loài mà em biết.

Câu 33: Theo em, cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của thực vật hạt kín có đặc điểm nào giúp chúng có mặt ở nhiều nơi và thích nghi với nhiều điều kiện môi trường khác nhau?

Câu 34: Rau sống, gỏi cá, nem chua, tiết canh,... là những món ăn tái, sống. Khi ăn các loại thực phẩm tái, sống không đảm bảo vệ sinh có nguy cơ mắc bệnh rất cao. Em hãy

- Kể tên các bệnh có thể mắc khi ăn các loại thức ăn tái, sống không đảm bảo vệ sinh.
- Tác nhân gây bệnh và hậu quả.
- Tác nhân gây bệnh đó thuộc nhóm sinh vật nào (lớp/ngành, giới), đặc điểm cơ thể của tác nhân đó.

Câu 35: Để phân biệt các nhóm động vật không xương sống, em có thể dựa vào đặc điểm nào?

Long Biên, ngày 01 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI RA ĐỀ CƯƠNG TỔ TRƯỞNG

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Thanh Mai

Nguyễn Thị Thanh Thúy

Cao Thị Phương Anh



TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ TỰ NHIÊN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: TIN HỌC 6

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi ôn tập: + Sơ đồ tư duy

- + Định dạng văn bản
- + Trình bày thông tin dạng bảng
- + Tìm kiếm và thay thế.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập

- Thế nào là sơ đồ tư duy? Các thành phần của sơ đồ tư duy?
- Tầm quan trọng của sơ đồ tư duy?
- Hiểu được thế nào là định dạng văn bản?
- Nhận biết được và làm được các thao tác định dạng văn bản cơ bản?

Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng

- Trình bày dạng bảng? Biết tạo bảng và trình bày trên bảng?
- Làm thế nào để tìm kiếm 1 từ hay 1 cụm từ để thay thế trong một văn bản?

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA:

DẠNG BÀI: TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Sơ đồ tư duy là gì?

- A. Một sơ đồ trình bày thông tin trực quan bằng cách sử dụng từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, các đường nối để thể hiện các khái niệm và ý tưởng.
- B. Văn bản của một vở kịch, bộ phim hoặc chương trình phát sóng.
- C. Bản vẽ kiến trúc một ngôi nhà.
- A. Một sơ đồ hướng dẫn đường đi.

Câu 2: Thông tin trong sơ đồ tư duy thường được tổ chức thành:

- A. tiêu đề, đoạn văn.
- B. chủ đề chính, chủ đề nhánh.
- C. mở bài, thân bài, kết luận.
- D. chương, bài, mục.

Câu 3: Sơ đồ tư duy gồm các thành phần:

- A. bút, giấy, mực.
- B. phần mềm máy tính.
- C. từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, đường nối, màu sắc,...
- D. con người, đồ vật, khung cảnh,...

Câu 4: Nhược điểm của tạo sơ đồ tư duy theo cách thủ công là gì?

- A. Khó sắp xếp, bố trí nội dung.
- B. Hạn chế khả năng sáng tạo.
- C. Không linh hoạt để có thể làm ở bất cứ đâu, đòi hỏi công cụ khó tìm kiếm.
- D. Không dễ dàng trong việc mở rộng, sửa chữa và chia sẻ cho nhiều người.

Câu 5: Phát biểu nào **không phải** là ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy bằng phần mềm máy tính?



- A. Có thể sắp xếp, bố trí với không gian mở rộng, dễ dàng sửa chữa, thêm bớt nội dung.
 B. Có thể chia sẻ được cho nhiều người.
 C. Có thể làm bất cứ đâu, không cần công cụ hỗ trợ.
 D. Có thể kết hợp và chia sẻ để sử dụng cho các phần mềm máy tính khác.
- Câu 6:** Phát biểu nào *sai* về việc tạo được sơ đồ tư duy tốt?
 A. Các đường kẻ càng ở gần hình ảnh trung tâm thì càng nên tô màu đậm hơn và kích thước dày hơn.
 B. Nên dùng các đường kẻ cong thay vì các đường thẳng.
 C. Nên bố trí thông tin đều quanh hình ảnh trung tâm.
 D. Không nên sử dụng màu sắc trong sơ đồ tư duy vì màu sắc làm người xem mất tập trung vào vấn đề chính.
- Câu 7:** Nút lệnh nào sau đây được dùng để viết chữ nghiêng?
 A.  B.  C.  D. 
- Câu 8:** Nút lệnh nào sau đây được dùng gạch chân kí tự?
 A.  B.  C.  D. 
- Câu 9:** Nút lệnh nào sau đây được dùng để mở một file Word mới?
 A.  B.  C.  D. 
- Câu 10:** Nút lệnh nào sau đây được dùng để mở một file Word đã lưu trên máy?
 A.  B.  C.  D. 
- Câu 11:** Các phần văn bản được phân cách nhau bởi dấu ngắt đoạn được gọi là:
 A. Dòng.
 B. Trang.
 C. Đoạn.
 D. Câu.
- Câu 12:** Thao tác nào không phải là thao tác định dạng văn bản?
 A. Thay đổi kiểu chữ thành chữ nghiêng.
 B. Chọn chữ màu xanh.
 C. Căn giữa đoạn văn bản.
 D. Thêm hình ảnh vào văn bản.
- Câu 13:** Nút lệnh nào được dùng để căn lề trái cho đoạn văn bản?
 A.  B.  C.  D. 
- Câu 14:** Nút lệnh nào được dùng để tăng mức thụt lề trái cho đoạn văn?
 A.  B.  C.  D. 
- Câu 15:** Việc phải làm đầu tiên khi muốn thiết lập định dạng cho một đoạn văn bản là:
 A. Vào thẻ **Home**, chọn nhóm lệnh **Paragraph**.
 B. Cần phải chọn toàn bộ đoạn văn bản.
 C. Đưa con trỏ soạn thảo vào vị trí bất kỳ trong đoạn văn bản.
 D. Nhấn phím **Enter**.
- Câu 16:** Để đặt hướng cho trang văn bản, trên thẻ **Page Layout** vào nhóm lệnh **Page Setup** rồi sử dụng lệnh:
 A. **Orientation** B. **Size** C. **Margins** D. **Columns**
- Câu 17:** Trong phần mềm soạn thảo văn bản Word 2010, lệnh **Portrait** dùng để:
 A. chọn hướng trang đứng.
 B. chọn hướng trang ngang.
 C. chọn lề trang.
 D. chọn lề đoạn văn bản.

Câu 18: Bạn An đang định in trang văn bản. Theo em, khi đang ở chế độ in, An có thể làm gì?

- A. Xem tất cả các trang trong văn bản.
- B. Chỉ có thể thấy các trang không có hình ảnh.
- C. Chỉ có thể thấy trang văn bản mà An đang làm việc.
- D. Chỉ có thể thấy trang đầu tiên của văn bản.

Câu 19: Phát biểu nào trong các phát biểu sau là *sai* ?

- A. Bảng giúp trình bày thông tin một cách cô đọng.
- B. Bảng giúp tìm kiếm, so sánh và tổng hợp thông tin một cách dễ dàng hơn.
- C. Bảng chỉ có thể biểu diễn dữ liệu là những con số.
- D. Bảng có thể được dùng để ghi lại dữ liệu của công việc thống kê, điều tra, khảo sát,...

Câu 20: Nội dung của các ô trong bảng có thể chứa:

- A. Ký tự (chữ, số, ký hiệu,...) và cả hình ảnh
- B. Hình ảnh.
- C. Bảng.
- D. Âm thanh.

Câu 21: Sử dụng lệnh **Insert/Table** rồi dùng chuột kéo thả để chọn số cột và số hàng thì số cột và số hàng tối đa có thể tạo được là:

- A. 10 cột, 10 hàng.
- B. 10 cột, 8 hàng.
- C. 8 cột, 8 hàng.
- D. 8 cột, 10 hàng.

Câu 22: Để chèn 1 bảng có 30 hàng và 10 cột, em sử dụng thao tác nào?

- A. Chọn lệnh **Insert/Table**, kéo thả chuột, chọn 30 hàng, 10 cột.
- B. Chọn lệnh **Insert/Table/Table Tools**, nhập 30 hàng, 10 cột.
- C. Chọn lệnh **Insert/Table/Insert Table**, nhập 30 hàng, 10 cột.
- D. Chọn lệnh **Table/Tools/Layout**, nhập 30 hàng, 10 cột.

Câu 23: Cách di chuyển con trỏ soạn thảo trong bảng là:

- A. Chỉ sử dụng các phím mũi tên trên bàn phím.
- B. Chỉ sử dụng chuột.
- C. Sử dụng thanh cuộn ngang dọc.
- D. Có thể sử dụng chuột, phím **Tab** hoặc các phím mũi tên trên bàn phím.

Câu 24: Lệnh **Find** được sử dụng khi nào?

- A. Khi muốn định dạng chữ nghiêng cho một đoạn văn bản.
- B. Khi muốn tìm kiếm 1 từ hoặc 1 cụm từ trong văn bản.
- C. Khi muốn thay thế 1 từ, hoặc 1 cụm từ trong văn bản.
- D. Khi cần thay đổi phông chữ của văn bản.

Câu 25: Bạn Mai đang viết về đặc sản cốm Làng Vòng để giới thiệu ẩm thực Hà Nội cho các bạn ở Tuyên Quang. Tuy nhiên, bạn muốn sửa lại văn bản, thay thế tất cả các từ "món ngon" bằng từ "đặc sản". Bạn sẽ sử dụng lệnh nào trong hộp thoại "**Find and Replace**" ?

- A. Replace All.
- B. Replace.
- C. Find Next.
- D. Cancel.

Long Biên, ngày 01 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI RA ĐỀ CƯƠNG

TỔ TRƯỞNG CM

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Xuân Thành

Nguyễn Thị Thanh Thúy

Cao Thị Phương Anh

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

NĂM HỌC: 2021 – 2022

MÔN: TOÁN 6

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi ôn tập

Chương VI: Phân số - Từ bài 23 đến bài 27

Chương VIII: Những hình học cơ bản

Bài 32: Điểm và đường thẳng

Bài 33: Điểm nằm giữa 2 điểm. Tia

Bài 34: Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập:

Câu 1: Nêu khái niệm về phân số? Cho ví dụ?

Câu 2: Nêu định nghĩa hai phân số bằng nhau?

Câu 3: Nêu tính chất cơ bản của phân số?

Câu 4: Nêu cách rút gọn phân số? Thế nào là phân số tối giản?

Câu 5: Nêu cách quy đồng phân số?

Câu 6: Muốn cộng hai phân số cùng mẫu, khác mẫu ta làm như thế nào?

Câu 7: Muốn trừ hai phân số cùng mẫu, khác mẫu ta làm thế nào?

Câu 8: Thế nào là số đối, thế nào là số nghịch đảo?

Câu 9: Nêu quy tắc nhân, chia phân số?

Câu 10: Phép cộng và phép nhân phân số có các tính chất gì?

Câu 11: Nêu các cách so sánh phân số? Hỗn số dương?

Câu 12: Thế nào là điểm, đường thẳng? Ba điểm thẳng hàng?

Câu 13: Thế nào là hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau?

Câu 14: Đoạn thẳng là gì? Thế nào là tia?

Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng:

Câu 1: Nêu các cách so sánh phân số khác (so sánh tử, so sánh phần bù, so sánh qua phân số trung gian?)

Câu 2: Cách tính tổng dãy phân số có quy luật?

Câu 3: Cách tính độ dài đoạn thẳng?

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

1. Bài tập trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất

Câu 1: Phân số $\frac{2}{3}$ là phân số tối giản của phân số nào sau đây?



A. $\frac{140}{200}$

B. $\frac{130}{210}$

C. $\frac{180}{270}$

D. $\frac{150}{300}$

Câu 2: Quy đồng mẫu số của ba phân số $\frac{2}{9}; \frac{3}{2}; \frac{1}{8}$ với mẫu số chung nhỏ nhất là số nào

đây?

A. 8

B. 72

C. 146

D. 18

Câu 3: Số đối của $-\frac{1}{3}$ là:

A. 3

B. $\frac{1}{-3}$

C. -3

D. $\frac{1}{3}$

Câu 4: Kết quả của phép tính $\frac{2}{5} - \frac{14}{5}$ là:

A. $-\frac{12}{5}$

B. $-\frac{1}{3}$

C. -3

D. $\frac{1}{3}$

Câu 5: Kết quả rút gọn phân số $\frac{-12}{27}$ là:

A. $\frac{2}{7}$

B. $-\frac{4}{9}$

C. $\frac{4}{9}$

D. $\frac{9}{4}$

Câu 6: Kết quả của phép tính: $-\frac{1}{5} + \frac{4}{5}$ là:

A. $-\frac{3}{5}$

B. $\frac{3}{5}$

C. $\frac{5}{3}$

D. $-\frac{5}{3}$

Câu 7: Kết quả của phép tính $-\frac{1}{3} + \frac{4}{5}$ là:

A. $-\frac{9}{15}$

B. $-\frac{7}{15}$

C. $\frac{8}{15}$

D. $\frac{7}{15}$

Câu 8: Kết quả của phép tính $\frac{2}{11} + \left(-\frac{5}{11} - \frac{9}{11}\right)$ là:

A. $-\frac{12}{11}$

B. $\frac{12}{11}$

C. $\frac{13}{11}$

D. $-\frac{13}{11}$

Câu 9: Biết $\frac{1}{2} - x = \frac{1}{2}$, số x tìm được là:

A. $-\frac{1}{2}$

B. $\frac{1}{4}$

C. 0

D. $\frac{3}{2}$

Câu 10: Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta một phân số?

A. $\frac{3}{0}$

B. $\frac{3}{0,4}$

C. $\frac{5}{6}$

D. $\frac{30,8}{2,1}$

Câu 11: Hỗn số $5\frac{3}{4}$ được viết dưới dạng phân số là:

A. $\frac{15}{4}$

B. $\frac{23}{4}$

C. $\frac{19}{4}$

D. $\frac{3}{23}$

Câu 12: Cho biết $\frac{x}{8} = \frac{21}{24}$. Số x cần tìm là:

A. 7

B. 21

C. 8

D. 24

Câu 13: Cho $-\frac{4}{5} = \frac{16}{x}$. Giá trị của x là:

A. -25

B. 20

C. -20

D. 25

Câu 14: Kết quả so sánh ba số $\frac{2}{3}$; $-\frac{3}{4}$ và 0 là:

- A. $\frac{2}{3} > -\frac{3}{4} > 0$ B. $\frac{2}{3} > 0 > -\frac{3}{4}$ C. $0 > \frac{2}{3} > -\frac{3}{4}$ D. $0 > -\frac{3}{4} > \frac{2}{3}$

Câu 15: Trong các cách so sánh sau, cách nào đúng

- A. $\frac{-3}{4} > \frac{-1}{4}$ B. $\frac{-7}{-6} < 0$ C. $\frac{-2}{5} = \frac{6}{-15}$ D. $\frac{-1}{2} > \frac{1}{100}$

Câu 16: Số đối của $-\frac{3}{2}$ là :

- A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{3}{-2}$ C. $\frac{3}{2}$ D. $\frac{-2}{3}$

Câu 17: Số nguyên x sao cho $\frac{-8}{15} < \frac{x}{15} < \frac{-6}{15}$ là :

- A. -5 B. -7 C. -4 D. 0

Câu 18: Kết quả của phép tính $\frac{-5}{9} : \frac{-2}{3}$ là:

- A. $\frac{10}{17}$ B. $\frac{6}{5}$ C. $\frac{5}{6}$ D. $\frac{-5}{6}$

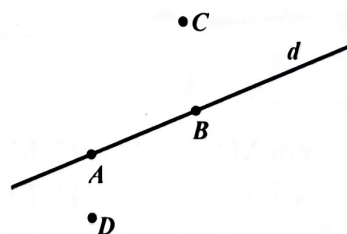
Câu 19: Kết quả của phép tính $\frac{4}{11} - \frac{7}{22}$ là:

- A. $\frac{1}{22}$ B. $\frac{-3}{1}$ C. $\frac{3}{11}$ D. $\frac{-3}{11}$

Câu 20: Cho biểu thức $A = \frac{3}{n+2}$ với n là số nguyên. Khi nào A không là phân số ?

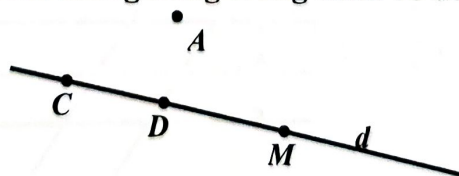
- A. $n = 2$ B. $n \neq 2$ C. $n = -2$ D. $n \neq -2$

Câu 21: Trong hình vẽ dưới đây, đường thẳng d đi qua điểm nào?



- A. A,B B. A,C C. D,C D. B,D

Câu 22: Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng trong hình vẽ dưới đây?

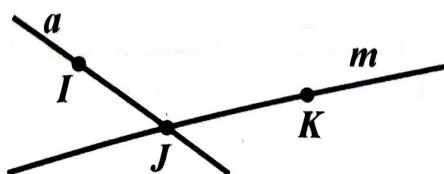


- A. A,M,D B. C,M,A C. A,C,D D. C,D,M

Câu 23: Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm A và B?

- A. 2 B. Vô số C. 3 D. 1

Câu 24: Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định dưới đây:



A. $I \in a$

B. $K \in a$

C. $I \notin a$

D. $K \notin m$

Câu 25: Chọn khẳng định sai trong các khẳng định dưới đây?

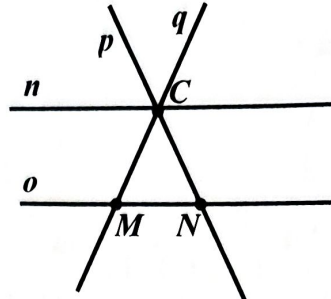
A. Điểm M nằm giữa 2 điểm P và Q

C. Hai điểm P, Q nằm cùng phía đối với điểm M

B. Điểm P nằm giữa 2 điểm M và Q

D. Hai điểm M, Q nằm khác phía đối với điểm P

Câu 26: Cho hình vẽ, có bao nhiêu cặp đường thẳng cắt nhau tại C?



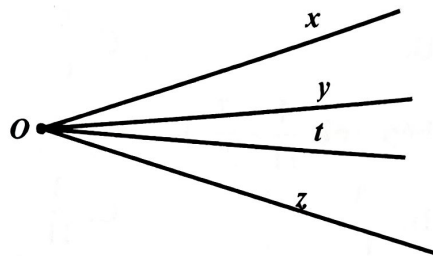
A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 27: Kể tên các tia có trong hình vẽ dưới đây?



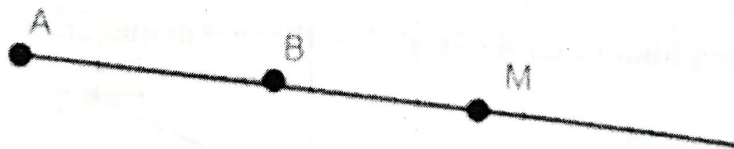
A. Ox

B. Ox, Oy, Oz, Ot

C. Ox, Oy, Oz

D. xO, yO, zO, tO

Câu 28: Cho tia AB, lấy M thuộc tia AB. Khẳng định nào sau đây là đúng?



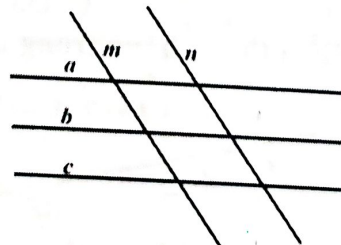
A. A và B nằm khác phía so với M

C. M và B nằm cùng phía so với A

B. M và A nằm cùng phía so với B

D. M nằm giữa A và B

Câu 29: Có bao nhiêu cặp đường thẳng song song trong hình vẽ sau?



A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 30: Cho hình vẽ, số đường thẳng đi qua điểm B và cắt đường thẳng a là:



A. 1

B. 2

C. 3

D. Vô số đường thẳng

2. TỰ LUẬN :

Dạng 1: Thực hiện phép tính, rút gọn biểu thức:

Bài 1: Thực hiện phép tính:

$$a) \frac{5}{17} + \frac{-15}{34} \cdot \frac{2}{5}$$

$$b) \left(\frac{-2}{5} + \frac{1}{3} \right) \cdot \left(\frac{3}{2} - \frac{3}{7} \right)$$

$$c) \frac{1}{5} : \frac{1}{10} - \frac{1}{3} \left(\frac{6}{5} - \frac{9}{4} \right)$$

$$d) \frac{1}{5} \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{3} \right) : \left(\frac{-9}{10} \right) + \frac{-7}{3}$$

$$e) \frac{17}{6} + \frac{26}{-12} - \frac{-13}{39}$$

$$f) \frac{2}{7} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{14}{35}$$

$$g) \frac{-1}{4} + \left(\frac{-5}{8} + \frac{1}{4} \right)$$

$$h) \frac{-7}{8} : \frac{21}{16} - \frac{5}{3} \cdot \left(\frac{1}{5} - \frac{7}{10} \right)$$

Bài 2: Tính hợp lí:

$$a) \frac{5}{13} + \frac{-5}{7} + \frac{-20}{41} + \frac{8}{13} + \frac{-21}{41}$$

$$b) \frac{2}{3} + \left(\frac{5}{7} + \frac{-2}{3} \right)$$

$$c) \frac{1}{15} + \frac{1}{35} + \frac{1}{63} + \frac{1}{99} + \frac{1}{143}$$

$$d) \frac{1}{5} \cdot \frac{4}{7} + \frac{1}{5} \cdot \frac{3}{7} + \frac{1}{5}$$

$$e) \frac{-1}{9} \cdot \frac{-3}{5} + \frac{5}{-6} \cdot \frac{-3}{5} - \frac{7}{2} \cdot \frac{3}{5}$$

$$f) \frac{-1}{15} + \frac{2}{13} + \frac{-14}{15} + \frac{11}{13} + (-1)$$

$$g) \frac{6}{7} \cdot \frac{8}{13} + \frac{6}{7} \cdot \frac{9}{13} - \frac{3}{13} \cdot \frac{6}{7}$$

$$h) \frac{-3}{7} \cdot \frac{15}{13} - \frac{3}{7} \cdot \frac{11}{13} - \frac{3}{7}$$

Dạng 2: Tìm x

Bài 3: Tìm x, biết:

$$a) \frac{x}{7} = \frac{6}{-21}$$

$$b) x - \frac{2}{3} = \frac{-5}{12}$$

$$c) x - \frac{1}{4} = \frac{2}{3} \cdot \frac{9}{8}$$

$$d) \frac{x}{3} = \frac{2}{3} + \frac{-1}{7}$$

$$e) \frac{-5}{6} - x = \frac{7}{12} + \frac{-1}{3}$$

$$f) 5(x-3) = \frac{5}{7}$$

$$g) -4 \left(x - \frac{1}{3} \right) = \frac{-8}{3}$$

$$h) x + \frac{2}{3} = \frac{-1}{12} \cdot \frac{-4}{5}$$

$$i) \frac{1}{4}x - \frac{7}{5} = \frac{-5}{8} : \frac{15}{4}$$

$$k) x - \frac{3}{10} = \frac{7}{15} : \frac{3}{5}$$

$$l) \frac{1}{5} : x = \frac{1}{5} - \frac{1}{7}$$

$$m) x + \frac{3}{22} = \frac{27}{121} \cdot \frac{11}{9}$$

$$n) \frac{2}{5} + \frac{1}{5}x = \frac{-3}{20}$$

Dạng 3: Toán có lời văn

Bài 4: Mẹ mua cho Mai 1 hộp sữa tươi loại 250 ml. Ngày đầu, Mai uống hết $\frac{1}{4}$ hộp, ngày tiếp

theo Mai uống hết $\frac{1}{5}$ hộp.

a, Hỏi sau hai ngày, lượng sữa tươi còn bao nhiêu phần của hộp?

b, Tính lượng sữa tươi còn lại sau 2 ngày?

Bài 5: Khi tổng kết lớp 6A có 40 bạn được chia thành 3 loại : giỏi, khá, trung bình. Biết số học sinh khá bằng $\frac{1}{2}$ số học sinh cả lớp, $\frac{1}{3}$ số học sinh giỏi là 5 em.

a) Tính số học sinh giỏi của lớp?

b) Tính số học sinh trung bình của lớp?

Bài 6: Một trường có 1008 học sinh. Số học sinh khối 6 bằng $\frac{5}{14}$ tổng số học sinh toàn trường.

Số học sinh nữ của khối 6 bằng $\frac{2}{3}$ số học sinh khối 6. Tính số học sinh nữ và số học sinh nam của khối 6?

Bài 7: Để giúp các bạn miền Trung bị bão lụt, các bạn học sinh của ba lớp 6 đã quyên góp được một số quần áo. Lớp 6A quyên góp được 72 bộ quần áo. Số bộ quần áo của lớp 6B quyên góp được bằng $\frac{5}{6}$ của lớp 6A và bằng $\frac{4}{5}$ của lớp 6C. Hỏi cả ba lớp đã quyên góp được bao nhiêu bộ quần áo?

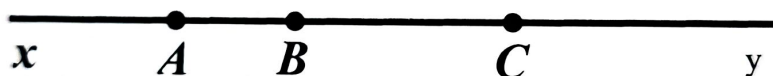
Bài 8: Hai vòi nước cùng chảy vào một bể. Vòi 1 chảy trong 10h thì đầy bể, vòi 2 chảy trong 6h thì đầy bể.

a) Hỏi cả hai vòi cùng chảy vào một bể thì trong bao lâu sẽ đầy bể?

b) Nếu có vòi thứ 3 tháo nước ra trong 15 giờ sẽ cạn hết bể đầy nước, thì khi mở cả 3 vòi cùng một lúc sau bao lâu sẽ đầy bể? (lúc đầu bể cạn hết nước).

Dạng 4: Hình học

Bài 9: Cho hình vẽ



a) Có tất cả bao nhiêu tia? Nêu tên các tia đó?

b) Điểm B nằm trên các tia nào? Tia đối của chúng là các tia nào?

c) Tia AC và tia CA có phải là hai tia đối nhau không?

Bài 10: Vẽ đoạn thẳng AB bằng 5cm. Lấy điểm C nằm giữa 2 điểm A và B. Vẽ điểm E sao cho E và C nằm cùng phía đối với điểm B. Vẽ điểm D sao cho E và D nằm khác phía đối với điểm C?

Bài 11: Vẽ đoạn thẳng AB bằng 10 cm. Lấy điểm C thuộc AB sao cho AC = 2cm. Tính độ dài đoạn thẳng BC?

Bài 12: Cho tia Ox, trên tia Ox, lấy điểm A và B sao cho OA = 3cm, OB = 6cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB?

b) Vẽ tia Oy là tia đối của tia Ox. Lấy C thuộc tia Oy sao cho OC = 2cm. Tính độ dài đoạn thẳng AC?

Bài 13: Cho đường thẳng xy. Vẽ điểm O thuộc đường thẳng xy. Vẽ hai điểm A và B sao cho A, B nằm khác phía đối với điểm O và OA = 4cm, OB = 3cm. Tính độ dài đoạn thẳng AB?

Dạng 5: Bài tập nâng cao

Bài 14: Cho $S = \frac{3}{10} + \frac{3}{11} + \frac{3}{12} + \frac{3}{12} + \frac{3}{14}$. Chứng minh $1 < S < 2$?

Bài 15: Chứng minh rằng: $S = \frac{1}{5} + \frac{1}{13} + \frac{1}{14} + \frac{1}{15} + \frac{1}{61} + \frac{1}{62} + \frac{1}{63} < \frac{1}{2}$

Bài 16: Chứng minh rằng: $\frac{n+1}{2n+3}$ là phân số tối giản? ($(n \in \mathbb{N}^*)$)

Bài 17: Tìm tất cả các số nguyên n sao cho $\frac{12}{3n-1}$ có giá trị là số nguyên?

NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG

Ngọc

Vũ Thị Bích Ngọc

TỔ TRƯỞNG CM



Nguyễn Thị Thanh Thúy

Long Biên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Cao Thị Phương Anh

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ NGOẠI NGỮ - NĂNG KHIẾU

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh thông qua nội dung Bóng rổ.

2. Kỹ năng:

- Nhằm rèn luyện các nhóm cơ khớp chính của cơ thể, phát triển thể lực chung và rèn luyện tư thế cơ bản cho học sinh.
- Thực hiện được các kỹ thuật trong Bóng rổ.
- Biết vận dụng và tự tập luyện để có sự phát triển về thể lực chung, năng lực liên kết vận động và nhịp điệu.

3. Thái độ:

- Đảm bảo tính tổ chức kỷ luật cao, an toàn tuyệt đối của lớp học.
- Trang phục đầy đủ đúng quy định.

II. Phạm vi ôn tập

1. Kỹ thuật dẫn bóng
2. Kỹ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trước ngực.
3. Kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên vai.

Long Biên, ngày 1 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG



Trần Thị Đậu

TỔ PHÓ CM



Trần Thị Đậu

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Cao Thị Phương Anh

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ NGOẠI NGỮ - NĂNG KHIẾU

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2021-2022

MÔN: NGHỆ THUẬT 6 – NỘI DUNG: ÂM NHẠC

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh thông qua nội dung bài hát , bài TĐN .

2. Kỹ năng:

- Qua bài học rèn luyện kỹ năng nghe, hát cho học sinh. Kỹ năng hoạt động theo nhóm, cá nhân, kỹ năng trình bày tác phẩm.

- Biết vận dụng và tự tập luyện hằng ngày để phát triển năng lực : Năng lực thực hành âm nhạc, năng lực hiểu biết âm nhạc, năng lực cảm thụ âm nhạc, năng lực trình diễn âm nhạc.

- Biết trình bày theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, hát nối tiếp, hòa giọng.

3. Thái độ:

- Đảm bảo tính tổ chức kỷ luật cao, an toàn tuyệt đối của lớp học.

- Yêu quê hương, đất nước và biết giữ gìn để bảo vệ tổ quốc.

II. Phạm vi ôn tập

- Ôn 2 bài hát:

+ Mưa rơi

+ Chỉ có 1 trên đời

- Ôn 2 bài TĐN: TĐN số 3,4.

Long Biên, ngày 01 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG



Lưu Thị Thu Huyền

NHÓM TRƯỞNG



Lưu Thị Thu Huyền

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Cao Thị Phương Anh

**TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ NGOẠI NGỮ - NĂNG KHIẾU**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: NGHỆ THUẬT 6 – NỘI DUNG: MĨ THUẬT**

I. Mục tiêu cần đạt:

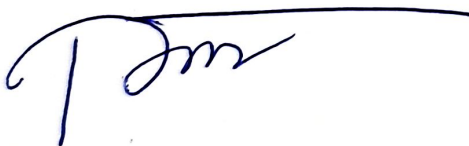
1. Kiến thức:
 - Học sinh hiểu được cách thiết kế và sản phẩm từ vật liệu có sẵn.
2. Kỹ năng:
 - Học sinh thể hiện được khả năng tư duy hình và họa tiết khi thiết kế sản phẩm.
3. Thái độ:
 - Học sinh nghiêm túc làm bài
 - Học sinh trang trí thiết kế sản phẩm từ vật liệu có sẵn.

II. Đề bài:

- Vẽ trang trí: Làm sản phẩm từ vật liệu có sẵn.

Long Biên, ngày 1 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG



Phạm Ngọc Trục

TỔ TRƯỞNG



Đoàn Thị Lê

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆN TRƯỞNG**



Cao Thị Phương Anh